

2 Hãy chọn chữ Hán thích hợp trong các chữ Hán cho trước để viết lại các từ trong ngoặc và hoàn thành các câu sau. 

a. 五

b. 月

c. 水

d. 日

e. 火

1 \_\_\_\_\_ に からてきょうしつへ いきます。  
(すいようび)



2 \_\_\_\_\_ に バドミントン を します。  
(かようび)



3 \_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_ は にほんの こどもの \_\_\_\_\_ です。  
(ごがつ) (いつか) (ひ)

